

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng Kỹ sư cho sinh viên khóa 2,
đại học hệ chính quy năm 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-TTg ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 187/QĐ-DKVN ngày 19/01/2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam ban hành theo Quyết định số 298/QĐ-ĐHDK ngày 03 tháng 5 năm 2013 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08/9/2015 về Ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ Giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 758a/QĐ-ĐHDK ngày 25/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Hội đồng xét Tốt nghiệp đại học hệ Chính quy năm 2017;

Căn cứ Biên bản họp xét tốt nghiệp năm 2017, ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Căn cứ Tờ trình số 77a/TTr-ĐT ngày 30/8/2017 của Trưởng Phòng Đào tạo về việc công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng Kỹ sư cho sinh viên khóa 2, đại học hệ chính quy, năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng Kỹ sư đại học hệ chính quy, năm 2017 cho 94 sinh viên khóa 2 (*Danh sách đính kèm*). Trong đó:

Xếp loại giỏi: 24 sinh viên

Xếp loại khá: 63 sinh viên

Xếp loại Trung bình khá: 07 sinh viên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng khoa Dầu khí, GVCN/CVHT các Lớp và các sinh viên có tên trong danh sách đính kèm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *[Signature]*

- Như điều 3;
- CTHĐT (để b/c);
- BGH (e-copy);
- Các đơn vị (e-copy);
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

[Signature]

Phan Minh Quốc Bình

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2017

(Đính kèm Quyết định số 885/QĐ-ĐHDK ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam)

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm TBCHT		Xếp loại TN	Ghi chú
							Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
01	02GEO110023	Lê Đức Dũng	Nam	08/12/1994	Lâm Đồng	K2ĐVD	8.56	3.53	Giỏi	
02	02PET110148	Trần Đăng Khoa	Nam	28/05/1994	Đồng Tháp	K2KKT	8.53	3.55	Giỏi	
03	02PET110144	Nguyễn Đông Hồ	Nam	30/03/1994	Đồng Tháp	K2KKT	8.41	3.46	Giỏi	
04	02GEO110026	Trần Thanh Mỹ Hạnh	Nữ	29/08/1994	TP Hồ Chí Minh	K2ĐVD	8.39	3.46	Giỏi	
05	02GEO110004	Đỗ Văn Huy	Nam	15/05/1994	TP Hải Phòng	K2ĐCD	8.39	3.42	Giỏi	
06	02GEO110028	Trần Thị Huệ	Nữ	04/02/1994	Quảng Ngãi	K2ĐVD	8.37	3.41	Giỏi	
07	02GEO110025	Bùi Dương	Nam	05/02/1993	Thừa Thiên Huế	K2ĐVD	8.35	3.44	Giỏi	
08	02PET110159	Lưu Văn Sành	Nam	04/01/1994	Tây Ninh	K2KKT	8.29	3.40	Giỏi	
09	02PET110162	Nguyễn Văn Tăng	Nam	06/06/1994	Đồng Tháp	K2KKT	8.27	3.44	Giỏi	
10	02PPR110023	Dương Nguyễn Công Thành	Nam	17/09/1994	Đắk Lắk	K2LHD	8.26	3.41	Giỏi	
11	02GEO110011	Phạm Ngọc Thi	Nữ	01/07/1994	TP Hồ Chí Minh	K2ĐCD	8.23	3.33	Giỏi	
12	02PET110132	Nguyễn Nam Bắc	Nam	01/07/1994	Đồng Tháp	K2KKT	8.21	3.36	Giỏi	
13	02GEO110034	Đỗ Thị Hồng Nhung	Nữ	02/01/1993	Vĩnh Long	K2ĐVD	8.14	3.35	Giỏi	
14	02GEO110036	Nguyễn Thị Anh Sinh	Nữ	04/11/1994	Quảng Ngãi	K2ĐVD	8.13	3.37	Giỏi	
15	02GEO110016	Triệu Thị Tuyết Trinh	Nữ	24/03/1993	Gia Lai	K2ĐCD	8.13	3.32	Giỏi	
16	02GEO110021	Nguyễn Mỹ Anh	Nam	16/08/1994	Gia Lai	K2ĐVD	8.11	3.27	Giỏi	
17	02PET110149	Trương Công Lập	Nam	06/10/1994	An Giang	K2KKT	8.11	3.26	Giỏi	
18	02PET110138	Trần Quốc Doanh	Nam	26/06/1994	Đồng Tháp	K2KKT	8.09	3.32	Giỏi	
19	02PPR110029	Võ Việt Trí	Nam	22/11/1994	An Giang	K2LHD	8.09	3.31	Giỏi	
20	02GEO110007	Đỗ Thị Phương	Nữ	10/05/1994	Thái Bình	K2ĐCD	8.08	3.29	Giỏi	
21	02GEO110020	Lê Văn Ý	Nam	05/09/1994	Phú Yên	K2ĐCD	8.08	3.33	Giỏi	

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm TBCHT		Xếp loại TN	Ghi chú
							Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
22	02PET110134	Nguyễn Tứ Bón	Nam	18/08/1994	Quảng Trị	K2KKT	8.05	3.28	Giỏi	
23	02GEO110029	Nguyễn Văn Lợi	Nam	06/10/1993	Nghệ An	K2DVD	8.00	3.25	Giỏi	
24	02PPR110034	Hồ Thanh Tùng	Nam	04/06/1994	Gia Lai	K2LHD	8.00	3.23	Giỏi	
25	02GEO110018	Nguyễn Xuân Vũ	Nam	05/10/1994	Tây Ninh	K2BCD	7.98	3.25	Khá	
26	02PPR110030	Nguyễn Thị Mai Trinh	Nữ	13/11/1994	Đắk Lắk	K2LHD	7.97	3.26	Khá	
27	02GEO110005	Nguyễn Trường Long	Nam	29/03/1994	Quảng Trị	K2BCD	7.96	3.24	Khá	
28	02GEO110003	Nguyễn Thị Diệu	Nữ	23/05/1994	Thái Bình	K2BCD	7.91	3.17	Khá	
29	02PET110151	Nguyễn Đình Long	Nam	09/04/1994	Đắk Nông	K2KKT	7.89	3.20	Khá	
30	02PET110158	Lê Trọng Quý	Nam	05/05/1994	Đắk Lắk	K2KKT	7.87	3.20	Khá	
31	02GEO110031	Phạm Lê Thảo Ngân	Nữ	06/02/1994	Vĩnh Long	K2DVD	7.85	3.22	Khá	
32	02GEO110008	Nguyễn Tấn Tài	Nam	14/05/1994	Bình Dương	K2BCD	7.85	3.09	Khá	
33	02PET110161	Hoàng Minh Tân	Nam	28/02/1994	Đồng Nai	K2KKT	7.83	3.16	Khá	
34	02PET110157	Nguyễn Văn Phú	Nam	25/12/1994	Phú Yên	K2KKT	7.82	3.17	Khá	
35	02PET110154	Trần Nhật Nam	Nam	08/10/1994	Hà Tĩnh	K2KKT	7.81	3.16	Khá	
36	02GEO110006	Bùi Thị Ngân	Nữ	14/10/1994	Hải Dương	K2BCD	7.80	3.08	Khá	
37	02PET110130	Đỗ Hoàng An	Nam	19/02/1994	TP Hà Nội	K2KKT	7.77	3.15	Khá	
38	02PPR110008	Võ Thị Hà	Nữ	23/09/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	K2LHD	7.77	3.13	Khá	
39	02PET110147	Nguyễn Đoàn Duy Khang	Nam	07/09/1994	Bến Tre	K2KKT	7.77	3.16	Khá	
40	02GEO110035	Nguyễn Khắc Phương	Nam	08/04/1994	Quảng Trị	K2DVD	7.75	3.12	Khá	
41	02PET110143	Hồ Quang Hiệp	Nam	19/06/1994	Đắk Lắk	K2KKT	7.72	3.12	Khá	
42	02PPR110032	Lê Hoàng Tuấn	Nam	11/01/1994	TP Hồ Chí Minh	K2LHD	7.72	3.13	Khá	
43	02PPR110037	Trần Xuân Việt	Nam	28/08/1994	Thanh Hóa	K2LHD	7.68	3.07	Khá	
44	02PET110136	Trần Đình Cường	Nam	28/02/1993	Gia Lai	K2KKT	7.67	3.07	Khá	
45	02GEO110014	Võ Thị Ngọc Tiên	Nữ	23/06/1994	Thừa Thiên Huế	K2BCD	7.67	3.09	Khá	
46	02PPR110012	Nguyễn Lê Thanh Hùng	Nam	17/11/1994	Quảng Trị	K2LHD	7.66	3.10	Khá	
47	02PPR110031	Đặng Hữu Trung	Nam	05/01/1994	Kon Tum	K2LHD	7.65	3.12	Khá	

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm TBCHT		Xếp loại TN	Ghi chú
							Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
48	02PET110168	Nguyễn Di Tùng	Nam	02/11/1994	Phú Yên	K2KKT	7.64	3.06	Khá	
49	02PPR110024	Trần Tiến Thành	Nam	03/06/1994	TP Hà Nội	K2LHD	7.63	3.09	Khá	
50	02PPR110007	Hoàng Ngọc Duy	Nam	14/04/1994	Thái Bình	K2LHD	7.62	3.06	Khá	
51	02PET110145	Lê Thanh Huy	Nam	14/11/1994	Bình Thuận	K2KKT	7.62	3.10	Khá	
52	02PPR110016	Hà Văn Long	Nam	16/08/1994	TP Hải Phòng	K2LHD	7.62	3.06	Khá	
53	02PPR110019	Đỗ Minh	Nam	09/04/1993	Bình Thuận	K2LHD	7.59	3.05	Khá	
54	02PPR110038	Nguyễn Văn Vinh	Nam	07/08/1994	Nghệ An	K2LHD	7.58	3.07	Khá	
55	02PPR110013	Trần Văn Hùng	Nam	24/06/1994	Bình Phước	K2LHD	7.57	3.00	Khá	
56	02PPR110015	Trần Quốc Khải	Nam	26/02/1994	Bình Dương	K2LHD	7.55	3.00	Khá	
57	02PET110152	Huỳnh Trí Luân	Nam	16/10/1994	Quảng Nam	K2KKT	7.54	3.04	Khá	
58	02PPR110036	Lê Thị Tuyết	Nữ	24/06/1994	Thanh Hóa	K2LHD	7.54	3.01	Khá	
59	02GEO110033	Tô Văn Nho	Nam	26/05/1994	Đồng Nai	K2ĐVD	7.53	3.04	Khá	
60	02PET110142	Lê Minh Hẹn	Nam	03/02/1994	Đắk Lắk	K2KKT	7.50	3.01	Khá	
61	02PPR110018	Đỗ Thái Ngân	Nữ	03/04/1994	Long An	K2LHD	7.49	2.98	Khá	
62	02PET110155	Nguyễn Văn Nam	Nam	28/02/1994	Hải Dương	K2KKT	7.48	3.03	Khá	
63	02GEO110039	Ngô Quốc Tiến	Nam	06/11/1994	TP Hồ Chí Minh	K2ĐVD	7.48	3.03	Khá	
64	02PET110166	Lâm Thành Trung	Nam	23/05/1994	An Giang	K2KKT	7.46	3.00	Khá	
65	02PET110156	Hoàng Ngọc Phong	Nam	06/02/1994	Hà Nam	K2KKT	7.43	2.97	Khá	
66	02PPR110004	Nguyễn Phạm Toại Chí	Nam	25/07/1994	Kiên Giang	K2LHD	7.42	2.96	Khá	
67	02PET110153	Lê Xuân Mạnh	Nam	22/01/1994	Nghệ An	K2KKT	7.42	2.94	Khá	
68	02GEO110012	Nguyễn Tài Thiện	Nam	22/07/1994	Nghệ An	K2ĐCD	7.42	2.95	Khá	
69	02PPR110025	Hoàng Văn Thiện	Nam	20/04/1994	Đắk Nông	K2LHD	7.41	2.95	Khá	
70	02GEO110037	Trần Triệu Vũ	Nam	26/06/1994	Thanh Hóa	K2ĐVD	7.39	2.97	Khá	
71	02PET110160	Quách Hữu Tâm	Nam	09/02/1994	Nghệ An	K2KKT	7.37	2.95	Khá	
72	02PET110133	Hoàng Bùi Việt Bảo	Nam	18/10/1993	Hà Tĩnh	K2KKT	7.33	2.89	Khá	
73	02GEO110027	Bùi Trọng Hiếu	Nam	26/08/1993	Khánh Hòa	K2ĐVD	7.33	2.94	Khá	



Stt	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm TBCHT		Xếp loại TN	Ghi chú
							Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
74	02PET110146	Nguyễn Văn Khai	Nam	07/04/1990	Nghệ An	K2KKT	7.33	2.94	Khá	
75	02GEO110010	Ví Thiét Tâm	Nam	11/08/1994	Kon Tum	K2ĐCD	7.33	2.93	Khá	
76	02PPR110014	Trần Phương Huy	Nam	20/10/1994	Cà Mau	K2LHD	7.30	2.89	Khá	
77	02PPR110033	Đinh Văn Tuấn	Nam	14/04/1994	Lâm Đồng	K2LHD	7.29	2.91	Khá	
78	02PET110171	Nguyễn Việt Tiến	Nam	18/10/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	K2KKT	7.23	2.86	Khá	
79	02PET110150	Nguyễn Tiến Nhật Linh	Nam	12/11/1994	Hà Tĩnh	K2KKT	7.21	2.87	Khá	
80	02GEO110009	Phạm Hùng Tài	Nam	24/08/1994	Kiên Giang	K2ĐCD	7.21	2.88	Khá	
81	02PET110164	Nguyễn Hữu Thiện	Nam	01/08/1994	Thái Bình	K2KKT	7.18	2.87	Khá	
82	02GEO110022	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	18/02/1994	Thanh Hóa	K2ĐVD	7.16	2.70	Khá	
83	02PPR110006	Lê Trọng Đại	Nam	17/07/1994	Hà Tĩnh	K2LHD	7.16	2.83	Khá	
84	02PPR110022	Phạm Nhật Sinh	Nam	17/02/1994	Lâm Đồng	K2LHD	7.15	2.78	Khá	
85	02PPR110009	Lê Minh Hiệp	Nam	27/04/1994	TP Hải Phòng	K2LHD	7.13	2.85	Khá	
86	02PET110141	Nguyễn Hoàng Duy	Nam	15/06/1994	Nam Định	K2KKT	7.09	2.79	Khá	
87	02PPR110035	Nguyễn Thái Tuyển	Nam	19/02/1993	Nghệ An	K2LHD	7.01	2.75	Khá	
88	02PET110135	Ninh Văn Châu	Nam	18/09/1992	Nam Định	K2KKT	6.96	2.71	TB khá	
89	02PPR110040	Trịnh Quốc Vương	Nam	26/12/1994	Gia Lai	K2LHD	6.92	2.74	TB khá	
90	02PPR110003	Phạm Nguyễn Bình	Nam	11/09/1994	Quảng Bình	K2LHD	6.91	2.75	TB khá	
91	02GEO110002	Lâm Trí Đăng	Nam	16/03/1993	TP Hồ Chí Minh	K2ĐCD	6.86	2.74	TB khá	
92	02PPR110010	Hoàng Minh Hiếu	Nam	06/03/1994	Quảng Bình	K2LHD	6.80	2.63	TB khá	
93	02PPR110001	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	27/07/1994	Nam Định	K2LHD	6.52	2.55	TB khá	
94	02PPR110027	Trịnh Văn Thường	Nam	27/08/1994	Ninh Bình	K2LHD	6.26	2.41	TB khá	